TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14-12-2021
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Long

Ông Lý Đình Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà*:* Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 14 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2021/TLST-HNGĐ ngày 05tháng 10 năm 2021về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:109/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/11/2021;Quyết định hoãn phiên tòa số:111/2021/QĐ-ST ngày 26/11/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn*:* Chị Đỗ Thị H, sinh năm: 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đội 2, thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn*:* Anh Nguyễn Văn K, sinh năm: 1991 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Đội 2, thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang(Hiện đang lao động tại nước ngoài).

Địa chỉ cuối cùng của anh Nguyễn Văn K tại Việt Nam là: Đội 2, thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 05/10/2021, nguyên đơn chị Đỗ Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn K đến với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang ngày 31/10/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau thời gian đầu chung sống hạnh

phúc, đến khi sinh con đầu thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Đến năm 2018 thì anh K đi xuất khẩu lao động, từ đó đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không liên lạc gì với nhau và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Quang D, sinh ngày 08/10/2012 và cháu Nguyễn Quang K, sinh ngày 27/9/2014. Hiện nay các cháu đang ở cùng chị, ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

Ngoài ra chị H còn trình bày: Hiện nay anh K vẫn đang lao động ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của anh K ở nước ngoài chị không cung cấp được cho Tòa án được vì đã lâu chị không liên lạc được với anh K, anh K vẫn liên lạc về cho mẹ đẻ của anh K là bà Phí Thị Ư, sinh năm 1960; trú tại: Đội 2, thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nhưng bà Ư cũng không cung cấp địa chỉ cho chị biết nên chị không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên chị không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị và anh K được, nên chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Nguyễn Văn K .

Cháu Nguyễn Quang D và Nguyễn Quang K có đơn trình bày: Các cháu là con của bố Nguyễn Văn K và mẹ Đỗ Thị H, hiện nay các cháu đang ở cùng với mẹ Đỗ Thị H. Nếu bố mẹ các cháu ly hôn thì các cháu xin được ở với mẹ cháu là Đỗ Thị H.

Bị đơn anh Nguyễn Văn K không có bản tự khai.

Ngày 06/10/2021 và ngày 21/10/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn K là bà Phí Thị Ư, sinh năm 1960; trú tại: Đội 2, thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bà Ư thông báo cho anh K biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn K; yêu cầu anh K viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu bà Ư cung cấp địa chỉ cụ thể của anh K ở nước ngoài. Tuy nhiên, qua hai lần làm việc bà Ư vẫn giữ nguyên quan điểm là anh K ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng bà không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh K ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân anh K, đồng thời bà Ư cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh K biết để anh K gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của anh K gửi về.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Văn K vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của chị H; Biên bản làm việc với mẹ đẻ của anh K là bà Phí Thị Ư và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn chị Đỗ Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh K không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh K, căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt anh Nguyễn Văn K là đúng quy định.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, 53, 56, Điều 81, 82, 83, khoản 2 điều 123 và điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 điều 35, điểm c khoản 1 điều 37, khoản 4 điều 147, điều 227, 228, điều 238, điều 271, điều 273, khoản 2 điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị H.

Về hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Quang D, sinh ngày 08/10/2012 và cháu Nguyễn Quang K, sinh ngày 27/9/2014 cho chị Đỗ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra do chị H không yêu cầu. Anh Nguyễn Văn K có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh K thực hiện quyền này.

Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Đỗ Thị H là nguyên đơn có đơn xin ly anh Nguyễn Văn K, anh K hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Theo Công văn số 20162/QLXNC-P5 ngày 13/9/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, anh K xuất nhập cảnh 03 lần, xuất cảnh gần nhất là ngày 30/11/2019 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của anh K ở Việt Nam là: Đội 2, thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn và nuôi con chung có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Đỗ Thị H là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị Đỗ Thị H.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn K vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của anh K là bà Phí Thị Ư để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu bà Ư thông báo cho anh K biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn K; Yêu cầu anh K viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu bà Ư cung cấp địa chỉ cụ thể của anh K ở nước ngoài. Bà Phí Thị Ư trình bày: Anh K ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho bà. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà bà Ư vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh K cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh K biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn K.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn K kết hôn ngày 31/10/2011 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị H trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khi sinh con đầu thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Đến năm 2018 thì anh K đi xuất khẩu lao động, từ đó đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không liên lạc gì với nhau và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đỗ Thị H. Hội đồng xét xử thấy: Quá trình chung sống vợ chồng chị H và anh K thường xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2018 thì anh K đi lao động tại nước ngoài từ đó đến nay chưa về nước, vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh K đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Xử cho chị Đỗ Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

[4]. Về nuôi con chung: Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn K có 02 con chung là cháu Nguyễn Quang D, sinh ngày 08/10/2012 và cháu Nguyễn Quang K, sinh ngày 27/9/2014. Hiện nay các cháu đang ở với chị H. Ly hôn chị H đề nghị

được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị H: Hội đồng xét xử thấy hiện nay anh K đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Nguyễn Văn K từ khi đi nước ngoài thì các con chung là cháu D và cháu K vẫn do chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, các cháu phát triển bình thường về thể chất và tình thần, được đi học đầy đủ. Mặt khác, cháu D và cháu K trên 7 tuổi đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn. Nên Hội đồng xét xử căn cứ điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị H về đề nghị được nuôi hai con chung. Giao cho chị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Quang D, sinh ngày 08/10/2012 và cháu Nguyễn Quang K, sinh ngày 27/9/2014 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung. Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn K có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở nay anh K thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp anh Nguyễn Văn K về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị Đỗ Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Đỗ Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Quang D, sinh ngày 08/10/2012 và cháu Nguyễn Quang K, sinh ngày 27/9/2014 đến khi hai con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn K có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở nay anh K thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000116 ngày 05/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Đỗ Thị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. **Về quyền kháng cáo bản án**: Chị Đỗ Thị H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Nguyễn Văn K hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND xã T, huyện Y;
-Cổng TTĐT Tòa án nhân dân;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền